



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 – 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 – 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1927/QĐ-CT.UB ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc chuyển Công ty Mía đường Cần Thơ thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800283278, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2005 và đăng ký thanh đổi lần thứ 19 ngày 04 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Địa chỉ cũ: Số 10, đường 1/5, Phường Hiệp Thành, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.
- Điện thoại: 02933 867 359
- Fax: 02933 867 359
- Tên viết tắt: CASUCO
- Mã số thuế: 1800283278

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường.
- Dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành mía đường.
- Dịch vụ cho thuê tài sản.
- Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Ngọc Hiếu	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên
Ông Trần Vĩnh Chung	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Mai Loan	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trường Chinh	Thành viên
Bà Phạm Thị Hồng Liễu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Vĩnh Chung	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật của Công ty đến thời điểm hiện tại là:

Họ và tên

Ông Trần Ngọc Hiếu

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Theo Giấy uỷ quyền số 03/GUQ-ĐCT/2024 ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ông Trần Ngọc Hiếu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị uỷ quyền cho Ông Trần Vĩnh Chung – Tổng Giám đốc làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 và hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ (lấy ý kiến bằng văn bản) số 01/2025/CASUCO ngày 01/08/2025, Đại Hội Đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo kết quả đầu tư nguyên liệu vụ 2025-2026 & Phương án sản xuất vụ 2025-2026 là Tạm dừng sản xuất nhà máy Phụng Hiệp vụ 2025 - 2026, đồng thời tiến hành bám sát diễn biến thị trường mía để xây dựng kế hoạch cơ cấu, phục hồi vùng nguyên liệu cho các vụ kế tiếp, khi đủ điều kiện sẽ tiến hành đưa nhà máy đường Phụng Hiệp sản xuất trở lại.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



TRẦN VINH CHUNG

Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 10 tháng 10 năm 2025



Số: 039/2025/BCKTHN-CT.00564

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty mẹ") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 10 tháng 10 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư của các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác với số tiền như sau:

Khoản mục

Số tiền
VND

Phải trả ngắn hạn khác (mã số 319)

17.175.189.566

Với những tài liệu hiện có của Tập đoàn, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác chúng tôi không thể xác nhận tính đúng đắn của khoản nợ nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã nêu tại mục 5.11 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Quyền sử dụng đất là tài sản cố định vô hình mang tên cá nhân chưa được chuyển nhượng sang tên cho Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ với số tiền là 13.988.133.240 VND.

Như đã nêu tại mục 1.5 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, theo đó Tập đoàn đã dừng hoạt động của Nhà máy đường Vị Thanh từ ngày 29 tháng 06 năm 2019 do thiếu hụt nguồn nguyên liệu sản xuất. Việc đưa Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại phụ thuộc vào việc phát triển vùng nguyên liệu cho nhà máy. Đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn vẫn chưa thể đưa Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại.

Như đã nêu tại mục 8.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty tiếp tục dừng sản xuất nhà máy Phụng Hiệp vụ 2025 - 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ số 01/2025/CASUCO ngày 01/08/2025 đã được thông qua.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2023-009-1

Người được ủy quyền

LÂM HOÀI NHÂN

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5907-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHANH CẦN THƠ
Thành phố Cần Thơ, ngày 10 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/07/2024
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.498.272.412	86.368.219.919
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	38.578.890.807	53.738.442.962
Tiền	111		228.890.807	968.552.551
Các khoản tương đương tiền	112		38.350.000.000	52.769.890.411
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.221.732.456	14.679.316.914
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	54.188.903	1.332.967.265
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	29.728.861.276	21.927.055.666
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	41.217.145.466	39.930.825.089
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(48.867.869.471)	(48.600.937.388)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	89.406.282	89.406.282
Hàng tồn kho	140	5.8	14.623.922.956	14.602.340.081
Hàng tồn kho	141		31.283.832.769	31.300.654.462
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.659.909.813)	(16.698.314.381)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.073.726.193	3.348.119.962
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	1.073.726.193	3.348.119.962
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/07/2024
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		158.144.920.626	165.468.678.576
Các khoản phải thu dài hạn	210		170.400.000	170.400.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	170.400.000	170.400.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		65.635.616.788	78.263.678.567
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	41.204.815.284	52.584.152.787
Nguyên giá	222		908.725.074.932	910.935.977.433
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(867.520.259.648)	(858.351.824.646)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	24.430.801.504	25.679.525.780
Nguyên giá	228		73.628.434.567	73.628.434.567
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.197.633.063)	(47.948.908.787)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.787.651.463	3.787.651.463
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	3.787.651.463	3.787.651.463
Đầu tư tài chính dài hạn	250		78.386.758.314	73.009.945.991
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2.1	78.184.758.314	72.807.945.991
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2.2	202.000.000	202.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		10.164.494.061	10.237.002.555
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	10.124.587.972	10.197.096.466
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		39.906.089	39.906.089
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		234.643.193.038	251.836.898.495

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, Đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/07/2024
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		76.478.400.511	76.976.355.023
Nợ ngắn hạn	310		76.478.400.511	76.676.355.023
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	951.416.168	1.120.393.106
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	16.141.736.149	16.143.696.041
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	28.016.789.506	28.101.812.444
Phải trả người lao động	314		269.591.894	119.046.996
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	334.650.000	334.050.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	30.088.471.661	30.181.611.303
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	675.745.133	675.745.133
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		-	300.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	-	300.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/07/2024
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.164.792.527	174.860.543.472
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	158.164.792.527	174.860.543.472
Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.805.470.000	130.805.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		130.441.670.000	130.441.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		363.800.000	363.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		(10.298.300.000)	(10.294.200.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		108.956.063.211	108.956.063.211
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		523.933.514	523.933.514
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(70.473.564.003)	(53.785.716.543)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(53.785.716.543)	(29.127.812.657)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(16.687.847.460)	(24.657.903.886)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(1.348.810.195)	(1.345.006.710)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		234.643.193.038	251.836.898.495

NGUYỄN THỊ HỒNG GÁM
Người lập biểu

LÊ THỊ KIM PHÍ
Kế toán trưởng

TRẦN VĂN CHUNG
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 10 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.211.955.460	7.745.595.371
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.211.955.460	7.745.595.371
Giá vốn hàng bán	11	6.2	5.021.091.429	14.339.393.335
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		190.864.031	(6.593.797.964)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.948.847.179	2.233.274.446
Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Phản lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết	24		7.160.692.323	9.256.367.793
Chi phí bán hàng	25		-	4.381.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	15.414.275.529	13.025.601.081
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.113.871.996)	(8.134.137.806)
Thu nhập khác	31	6.5	769.628.675	944.938.965
Chi phí khác	32	6.6	11.114.527.624	17.346.915.962
Lợi nhuận khác	40		(10.344.898.949)	(16.401.976.997)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(16.458.770.945)	(24.536.114.803)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	126.739.927
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(16.458.770.945)	(24.662.854.730)
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(16.454.967.460)	(24.657.903.886)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.803.485)	(4.950.844)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	(1.298)	(1.945)

NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
Người lập biểu

LÊ THỊ KIM PHĨ
Kế toán trưởng



TRẦN VINH CHUNG
Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 10 tháng 10 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		(16.458.770.945)	(24.536.114.803)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		12.628.061.779	15.420.402.534
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		228.527.515	6.937.501.333
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.860.630.334)	(12.100.870.897)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(13.462.811.985)	(14.279.081.833)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.509.054.817)	(6.818.552.418)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.821.693	4.718.200.180
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(495.360.512)	(4.899.385.040)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		72.508.494	(7.544.439.233)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(126.739.927)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.377.897.127)	(28.949.998.271)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		753.181.818	1.121.339.475
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.471.857.154	2.936.014.794
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.225.038.972	4.057.354.269

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(4.100.000)	(51.500.000)
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.594.000)	(126.298.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.694.000)	(177.798.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(15.159.552.155)	(25.070.442.002)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		53.738.442.962	78.808.884.964
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	38.578.890.807	53.738.442.962


NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
Người lập biểu


LÊ THỊ KIM PHĨ
Kế toán trưởng




TRẦN VĨNH CHUNG
Tổng Giám đốc
TP. Cần Thơ, ngày 10 tháng 10 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất thực phẩm.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường.
- Dịch vụ cho thuê tài sản.
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Thực hiện Nghị quyết cuộc họp Hội Đồng Quản Trị số 32/NQ-HĐQT-MĐ ngày 18/06/2019, Tập đoàn đã tạm dừng hoạt động Nhà máy đường Vị Thanh do thiếu hụt nguồn nguyên liệu sản xuất. Nguồn nguyên liệu trong vùng và các tỉnh lân cận không đáp ứng đủ cho Nhà máy đường Phụng Hiệp và Nhà máy đường Vị Thanh cùng hoạt động sản xuất Tập đoàn có kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu tại Thành phố Vị Thanh và tỉnh Kiên Giang (nay đổi tên thành tỉnh An Giang) bằng nhiều chính sách đầu tư bằng tiền, bằng phân bón,... để phát triển nguyên liệu cho Nhà máy đường Vị Thanh hoạt động trở lại.

Thực hiện Nghị quyết cuộc họp Đại Hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ số 01/2024/CASUCO ngày 22/08/2024 đã thông qua phương án Tạm dừng sản xuất nhà máy Phụng Hiệp vụ 2024 - 2025, đồng thời tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy để chủ động đón đầu và đáp ứng sẵn sàng khi phục hồi vùng nguyên liệu đủ điều kiện để đưa nhà máy hoạt động trở lại.

Nhà máy đường Vị Thanh và Nhà máy đường Phụng Hiệp vẫn chưa thể hoạt động trở lại. Ban Tổng Giám đốc Công ty dự tính, khi vùng nguyên liệu phát triển, đủ đáp ứng cho Nhà máy đường Vị Thanh, Nhà máy đường Phụng Hiệp hoạt động, Công ty sẽ đưa Nhà máy đường Vị Thanh, Nhà máy đường Phụng Hiệp vào hoạt động trở lại.

1.6 Cấu trúc Tập đoàn

Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam	Ấp 1, xã Trí Phải, tỉnh Cà Mau	98,03%	98,03%	98,03%

Theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐQT-MĐ ngày 29/12/2020, Công ty mẹ đưa ra Quyết định làm thủ tục phá sản Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam. Đến thời điểm phát hành báo cáo, Công ty mẹ đang hoàn thiện thủ tục phá sản Công ty Cổ phần Mía đường Tây Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng	Số 845 đường Phạm Hùng, Phường Sóc Trăng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.	38,78%	38,78%	38,78%

Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tên	Địa chỉ
- Nhà máy đường Phụng Hiệp	Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Nhà máy đường Vị Thanh	Số 1284, đường Trần Hưng Đạo, Phường Vị Thanh, Thành phố Cần Thơ.

1.7 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.8 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 26 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 27 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và Thông tư 53/2016/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 10 năm.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không được phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cân trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu của công ty mẹ được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản nợ phải thu của công ty con được trình bày theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	04 - 25

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 25 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Tài sản cố định khác

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số tiền thực tế góp vốn của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Trong năm, Tập đoàn áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

4.16 Quỹ tiền lương

Trong năm, Tập đoàn đã trích chi phí tiền lương thực hiện trên cơ sở kế hoạch lương đã được thông qua Đại Hội Đồng Cổ Đông từng năm.

4.17 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Tập đoàn trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Cổ đông lớn
Trần Lệ Thanh	Cổ đông lớn
Nguyễn Thị Hồng Phước	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	Công ty có cùng thành viên chủ chốt
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	49.144.654	56.743.895
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn VND	179.746.153	911.808.656
Các khoản tương đương tiền (*)	38.350.000.000	52.769.890.411
	38.578.890.807	53.738.442.962

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền vào ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	30/06/2025 VND
Ngân hàng Vietinbank	3 tháng	4,50%	8.000.000.000
Ngân hàng Vietcombank	3 tháng	4,50%	14.000.000.000
Ngân hàng Sacombank	3 tháng	4,75%	10.800.000.000
Ngân hàng BIDV	3 tháng	4,50%	5.550.000.000
			38.350.000.000

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**5.2.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng (*)	31.173.000.000	78.184.758.314	31.173.000.000	72.807.945.991
	31.173.000.000	78.184.758.314	31.173.000.000	72.807.945.991

(*) Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200107515 vào ngày 17 tháng 12 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 vào ngày 24 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp. Vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND. Tập đoàn sở hữu 38,78% tại công ty này.

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng Công ty Mía đường số 1 (*)	202.000.000	-	202.000.000	-
	202.000.000	-	202.000.000	-

(*) Tập đoàn không có thông tin về giá trị hợp lý tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 01 tháng 07 năm 2024 của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Phải thu là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng	29.700.000	-
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Phước Thịnh	-	135.000.000
Cơ Sở Sản Xuất Nước Đá Phạm Văn Khiêm	-	746.555.549
Các khách hàng khác	24.488.903	451.411.716
	54.188.903	1.332.967.265

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty TNHH Kỹ thuật Tự động C.A.T.E.C	735.119.000	735.119.000
Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Mekong	9.087.322.840	9.087.322.840
Công ty Cổ phần Tư vấn, Thiết bị và Công nghệ Ánh Dương	478.500.000	478.500.000
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp M&T	676.722.970	676.722.970
Công ty TNHH Kỹ thuật Cơ điện lạnh Quý Long	1.049.813.054	1.049.813.054
Các nhà cung cấp khác	17.701.383.412	9.899.577.802
	29.728.861.276	21.927.055.666

5.5 Phải thu ngắn hạn/ dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu khác là các bên liên quan				
Phạm Quang Vinh	150.000.000	-	150.000.000	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Tạm ứng	189.891.901	(32.500.000)	266.505.701	(32.500.000)
Ký cược ký quỹ	84.928.500	-	84.928.500	-
Dự thu lãi tiền gửi	176.652.877	-	150.753.838	-
Đỗ Văn Tĩnh	4.301.000.000	-	4.301.000.000	-
Đoàn Phước Minh	8.200.258.911	(8.200.258.911)	8.200.258.911	(8.200.258.911)
Công ty TNHH Thương mại Thực Phẩm Hồng Yến	3.060.900.000	(3.060.900.000)	3.060.900.000	(3.060.900.000)
Cơ sở Vi Thị Kim Hai	4.084.170.000	(4.084.170.000)	4.084.170.000	(4.084.170.000)
Cơ Sở Huỳnh Hắc	3.700.165.000	(3.700.165.000)	3.700.165.000	(3.700.165.000)
Cơ Sở Nguyễn Thanh Xuân	3.464.380.350	(3.464.380.350)	3.464.380.350	(3.464.380.350)
Cơ Sở Hồng Tú Loan	2.012.850.000	(2.012.850.000)	2.012.850.000	(2.012.850.000)
Các đối tượng khác	11.791.947.927	(11.244.985.161)	10.454.912.789	(10.217.651.513)
	41.217.145.466	(35.800.209.422)	39.930.825.089	(34.772.875.774)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược ký quỹ	170.400.000	-	170.400.000	-
	170.400.000	-	170.400.000	-

5.6 Nợ xấu**Công ty mẹ**

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH MTV Nông Nghiep Mekong	9.087.322.840		9.087.322.840	
Đoàn Phước Minh	8.200.258.911	-	8.200.258.911	-
Cơ sở Vi Thị Kim Hai	4.084.170.000	-	4.084.170.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Thực Phẩm Hồng Yến	3.060.900.000	-	3.060.900.000	-
Cơ sở Huỳnh Hắc	3.700.165.000	-	3.700.165.000	-
Cơ sở Nguyễn Thanh Xuân	3.464.380.350	-	3.464.380.350	-
Cơ sở Hồng Tú Loan	2.012.850.000	-	2.012.850.000	-
Các đối tượng khác	15.675.905.597	418.083.227	15.548.895.587	558.005.300
	49.285.952.698	418.083.227	49.158.942.688	558.005.300

Công ty con

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng	17.142.232	-	17.142.232	-
Nguyễn Tấn Đền	37.020.000	-	37.020.000	-
Công ty tài nguyên môi trường Xanh	15.202.000	-	15.202.000	-
Nguyễn Bá Sơn	40.000.000	-	40.000.000	-
Tạ Hoàng Gia	644.500.673	-	644.500.673	-
Lê Minh Đoan	165.000.000	-	165.000.000	-
Nguyễn Văn Phước	377.190.125	-	377.190.125	-
Đỗ Văn Nghiệp	109.733.000	-	109.733.000	-
Các đối tượng khác	2.789.598.647	-	2.789.598.647	-
	4.195.386.677	-	4.195.386.677	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Trả trước cho người bán VND	Cộng VND
Vào ngày 01/07/2024	(35.800.245.022)	(12.800.692.366)	(48.600.937.388)
Trích dự phòng trong năm	-	(273.400.883)	(273.400.883)
Hoàn nhập trong năm	35.600	6.433.200	6.468.800
Vào ngày 30/06/2025	(35.800.209.422)	(13.067.660.049)	(48.867.869.471)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Hàng tồn kho thiếu khi kiểm kê	89.406.282	-	89.406.282	-
	89.406.282	-	89.406.282	-

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.560.082.427	(8.806.675.169)	18.613.965.586	(8.906.242.335)
Công cụ, dụng cụ	110.728.500	(61.162.598)	110.728.500	-
Chi phí SXKD dở dang	4.820.949.796	-	4.783.888.330	-
Thành phẩm	7.792.072.046	(7.792.072.046)	7.792.072.046	(7.792.072.046)
	31.283.832.769	(16.659.909.813)	31.300.654.462	(16.698.314.381)

Trong năm, dự phòng hàng tồn kho biến động như sau:

	Dự phòng hàng tồn kho VND
Vào ngày 01/07/2024	(16.698.314.381)
Hoàn nhập trong năm	38.404.568
Vào ngày 30/06/2025	(16.659.909.813)

5.9 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Công cụ dụng cụ	194.104.050	194.104.050
Chi phí thuê đất, lệ phí trước bạ (*)	9.930.483.922	9.930.483.922
Chi phí khác chờ phân bổ	-	72.508.494
	10.124.587.972	10.197.096.466

(*) Trong đó:

- Theo QĐ 1757/QĐ-UBND ngày 20/10/2022 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phép Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư "Khu tạm trữ bã bùn và sản xuất phân hữu cơ" tại phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy và TB 744/TB-CTHAG về tiền thuê đất, thuê mặt nước trả tiền 1 lần cho cả thời hạn thuê 04/10/2007 đến 02/02/2067 với số tiền là 8.924.446.395 VND, Công ty được miễn tiền thuê đất từ ngày 12/04/2023 đến ngày 20/10/2033.
- Theo QĐ 867/QĐ-UBND ngày 24/5/2023 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho phép Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư dự án Lối đi vào Khu nhà chờ ca Nhà máy đường Phụng Hiệp tại phường Hiệp Thành, thành phố Ngã Bảy và TB 744/TB-CTHAG về tiền thuê đất, thuê mặt nước trả tiền 1 lần cho cả thời hạn thuê từ 03/10/2011 đến 08/02/2067 với số tiền là 453.281.306 VND, Công ty được miễn tiền thuê đất từ ngày 24/05/2023 đến ngày
- Theo CV số 3424 & 3425/STC-QLNS, ngày 02/11/2023 về việc thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ với số tiền là 495.674.150 VND.
- Lệ phí trước bạ nhà đất với số tiền là 57.082.071 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.10 Tình hình tăng/(giảm) tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/07/2024	199.102.002.670	678.580.746.366	20.913.857.463	3.705.385.318	8.633.985.616	910.935.977.433
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.210.902.501)	-	-	(2.210.902.501)
Vào ngày 30/06/2025 (*)	199.102.002.670	678.580.746.366	18.702.954.962	3.705.385.318	8.633.985.616	908.725.074.932
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/07/2024	184.154.153.958	642.334.222.531	19.676.069.680	3.553.392.861	8.633.985.616	858.351.824.646
Khấu hao trong năm	1.416.471.334	9.477.435.986	445.804.801	39.625.382	-	11.379.337.503
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.210.902.501)	-	-	(2.210.902.501)
Vào ngày 30/06/2025	185.570.625.292	651.811.658.517	17.910.971.980	3.593.018.243	8.633.985.616	867.520.259.648
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/07/2024	14.947.848.712	36.246.523.835	1.237.787.783	151.992.457	-	52.584.152.787
Vào ngày 30/06/2025	13.531.377.378	26.769.087.849	791.982.982	112.367.075	-	41.204.815.284

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/07/2024	140.842.919.376	472.082.133.999	14.993.225.442	2.990.622.128	8.633.985.616	639.542.886.561
Vào ngày 30/06/2025	140.842.919.376	472.082.133.999	14.993.225.442	2.990.622.128	8.633.985.616	639.542.886.561

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Tập đoàn không có tài sản dùng để đảm bảo cho các khoản vay.

(*) Trong đó đã bàn giao tài sản cho Ông Lê Hải Phú với nguyên giá tại ngày 30/06/2025 là 9.266.367.456 VND theo hợp đồng ngày 05/02/2020, nhưng do thủ tục pháp lý chưa xong nên Tập đoàn tạm thời vẫn còn theo dõi trên danh mục tài sản.

Giá trị còn lại tại 30/06/2025 của Tài sản cố định tại nhà máy đường Vị Thanh tạm ngưng sử dụng:	2.319.135.692	VND
Giá trị còn lại tại 30/06/2025 của Tài sản cố định tại nhà máy đường Phụng Hiệp tạm ngưng sử dụng:	27.901.366.936	VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.11 Tình hình tăng/ (giảm) tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/07/2024	66.151.850.372	1.075.835.135	6.400.749.060	73.628.434.567
Vào ngày 30/06/2025 (*)	66.151.850.372	1.075.835.135	6.400.749.060	73.628.434.567
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/07/2024	40.472.324.592	1.075.835.135	6.400.749.060	47.948.908.787
Khấu hao trong năm	1.248.724.276	-	-	1.248.724.276
Vào ngày 30/06/2025	41.721.048.868	1.075.835.135	6.400.749.060	49.197.633.063
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/07/2024	25.679.525.780	-	-	25.679.525.780
Vào ngày 30/06/2025	24.430.801.504	-	-	24.430.801.504

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/07/2024	23.894.153.175	874.579.535	6.400.749.060	31.169.481.770
Vào ngày 30/06/2025	24.087.275.353	1.075.835.135	6.400.749.060	31.563.859.548

(*) Trong đó đã bàn giao tài sản cho Ông Lê Hải Phú với nguyên giá là 6.483.270.526 VND theo hợp đồng ngày 05/02/2020, nhưng do thủ tục pháp lý chưa xong nên Tập đoàn tạm thời vẫn còn theo dõi trên danh mục tài sản.

Nguyên giá Quyền sử dụng đất mang tên cá nhân chưa được chuyển nhượng sang tên Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ là: 13.988.133.240 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Chi phí xây dựng cơ bản		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất Công ty MekongCane	1.795.000.000	1.795.000.000
Máy li tâm liên tục dùng cho đường non	1.823.089.082	1.823.089.082
Chi phí sửa chữa lớn khác	169.562.381	169.562.381
	3.787.651.463	3.787.651.463

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp là các bên liên quan				
Công ty TNHH Kim Hà Việt	154.987.800	-	154.987.800	-
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Đức Lộc Cường	-	-	12.892.157	12.892.157
Đài Phát Thanh Và Truyền Hình Tỉnh Hậu Giang	-	-	120.000.000	120.000.000
RIECKERMANN SERVICES LIMITED	83.258.516	83.258.516	83.258.516	83.258.516
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ Đại Đông Á	70.092.000	70.092.000	70.092.000	70.092.000
Các nhà cung cấp khác (công ty mẹ)	443.642.425	443.642.425	479.727.206	479.727.206
Các nhà cung cấp khác (công ty con)	199.435.427	-	199.435.427	-
	951.416.168	596.992.941	1.120.393.106	765.969.879

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Trả trước của các tổ chức, cá nhân khác		
Ông Lê Hải Phú - ứng trước tiền chuyển giao quyền sử dụng đất	16.035.438.846	16.035.438.846
Các khách hàng khác	106.297.303	108.257.195
	16.141.736.149	16.143.696.041

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.15 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

	01/07/2024		Số phát sinh trong năm			30/06/2025	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Khác VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT đầu ra	-	13.878.488.066	-	-	(85.025.638) (*)	-	13.793.462.428
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.348.119.962)	-	-	-	2.274.393.769 (**)	(1.073.726.193)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	47.176.427	20.865.146	(20.862.446)	-	-	47.179.127
Thuế tài nguyên	-	-	36.043.045	(36.043.045)	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	146.212.967	5.961.480.513	(3.687.086.744)	(2.274.393.769) (**)	-	146.212.967
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.029.934.984	4.000.000	(4.000.000)	-	-	14.029.934.984
	(3.348.119.962)	28.101.812.444	6.022.388.704	(3.747.992.235)	(85.025.638)	(1.073.726.193)	28.016.789.506

(*) Khấu trừ thuế GTGT

(**) Theo quyết định hoàn thuế TNDN nhưng đồng thời cơ quan thuế bù trừ ngay với nghĩa vụ nộp tiền thuê đất hằng năm (theo Quyết định số 06/QĐ-CTHAG-KDT ngày 13/01/2025).

Thuế giá trị gia tăng:

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là 5%, 8% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Các Công ty trong Tập đoàn áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2025		01/07/2024	
	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan				
Ông Phạm Quang Vinh	23.400.000	23.400.000	23.400.000	23.400.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác				
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả Ngân sách tỉnh Cà Mau	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Phải trả ngân sách tỉnh Kiên Giang - Phải trả tiền kinh phí hoạt động	6.604.164.079	6.604.164.079	6.604.164.079	6.604.164.079
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.889.882.095	2.889.882.095	2.892.476.095	2.892.476.095
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.071.025.487	7.071.025.487	7.161.571.129	7.161.571.129
	30.088.471.661	30.088.471.661	30.181.611.303	30.181.611.303

(*) Khoản ký quỹ ký cược ngắn hạn của Ông Lê Hải Phúc theo hợp đồng đặt cọc ngày 05/02/2020 phục vụ mục đích chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Đến ngày 19/08/2020, ông Lê Hải Phúc đã chuyển giao quyền thực hiện hợp đồng trên cho ông Lê Hải Phú theo biên bản làm việc giữa Công ty, ông Lê Hải Phúc và ông Lê Hải Phú.

Số nợ không có khả năng trả được nợ:**Công ty con**

	30/06/2025	01/07/2024
	Giá trị VND	Giá trị VND
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan		
Ông Phạm Quang Vinh	23.400.000	23.400.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Ngân sách tỉnh Cà Mau	3.500.000.000	3.500.000.000
Ngân sách tỉnh Kiên Giang – Phải trả tiền kinh phí hoạt động	6.604.164.079	6.604.164.079
Các đối tượng khác	107.284.209	107.284.209
	10.234.848.288	10.234.848.288

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2025	01/07/2024
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	300.000.000
	-	300.000.000

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2025	01/07/2024
	VND	VND
Chi phí phải trả cho các bên liên quan		
Chi phí đi lại, phụ cấp của HĐQT, BKS	34.650.000	34.050.000
Chi phí phải trả khác		
Trích trước dịch vụ pháp lý	300.000.000	300.000.000
	334.650.000	334.050.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 10, đường 1/5, Phường Ngã Bảy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	675.745.133	675.745.133
	675.745.133	675.745.133

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Cổ phiếu Quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của Cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Vào ngày 01/07/2023	130.805.470.000	108.956.063.211	523.933.514	(10.242.700.000)	(28.893.032.659)	(1.340.055.865)	199.809.678.201
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(24.657.903.886)	(4.950.844)	(24.662.854.730)
Chi mua lại CP ưu đãi	-	-	-	(51.500.000)	-	-	(51.500.000)
Công ty liên kết trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023-2024	-	-	-	-	(232.780.000)	-	(232.780.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.999.998)	(1)	(1.999.999)
Vào ngày 30/06/2024	130.805.470.000	108.956.063.211	523.933.514	(10.294.200.000)	(53.785.716.543)	(1.345.006.710)	174.860.543.472
Vào ngày 01/07/2024	130.805.470.000	108.956.063.211	523.933.514	(10.294.200.000)	(53.785.716.543)	(1.345.006.710)	174.860.543.472
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(16.454.967.460)	(3.803.485)	(16.458.770.945)
Chi mua lại CP ưu đãi	-	-	-	(4.100.000)	-	-	(4.100.000)
Công ty liên kết trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024-2025	-	-	-	-	(232.680.000)	-	(232.680.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(200.000)	-	(200.000)
Vào ngày 30/06/2025	130.805.470.000	108.956.063.211	523.933.514	(10.298.300.000)	(70.473.564.003)	(1.348.810.195)	158.164.792.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Cổ đông	30/06/2025		01/07/2024	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH Kim Hà Việt	25.244.550.000	19,30%	25.244.550.000	19,30%
Công ty TNHH ADC	5.173.000.000	3,95%	5.173.000.000	3,95%
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	10.151.120.000	7,76%	10.151.120.000	7,76%
Trần Thị Thái	15.335.360.000	11,72%	15.335.360.000	11,72%
Trần Lệ Thanh	19.500.000.000	14,91%	19.500.000.000	14,91%
Nguyễn Thị Hồng Phước	27.300.000.000	20,87%	27.300.000.000	20,87%
Cổ phiếu quỹ	3.802.100.000	2,91%	3.798.000.000	2,90%
Cổ đông khác	24.299.340.000	18,58%	24.303.440.000	18,58%
	130.805.470.000	100,00%	130.805.470.000	100,00%

5.19.3 Cổ phiếu

	30/06/2025	01/07/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.080.547	13.080.547
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	13.040.467	13.040.467
- Cổ phiếu ưu đãi	40.080	40.080
	13.080.547	13.080.547
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	360.900	360.900
- Cổ phiếu ưu đãi	19.310	18.900
	380.210	379.800
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.679.567	12.679.567
- Cổ phiếu ưu đãi	20.770	21.180
	12.700.337	12.700.747

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu hàng hóa, thành phẩm	5.071.530.000	6.768.592.619
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	242.683.307
Doanh thu khác	140.425.460	734.319.445
	5.211.955.460	7.745.595.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

6.1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng	27.000.000	
	27.000.000	

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	5.059.495.997	6.990.974.129
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(38.404.568)	7.348.419.206
	5.021.091.429	14.339.393.335

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.946.756.193	2.210.803.469
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	22.470.977
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.090.986	-
	1.948.847.179	2.233.274.446

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.577.182.677	5.285.461.323
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	68.613.572	28.278.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.476.593.190	1.612.854.360
Chi phí dự phòng	266.932.083	111.849.351
Chi phí thuế, lệ phí	5.691.155.318	101.093.484
Chi phí quản lý khác	4.333.798.689	5.886.063.874
	15.414.275.529	13.025.601.081

6.5 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý TSCĐ	753.181.818	633.699.635
Thu từ thanh lý TSCĐ	753.181.818	1.121.339.475
Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	-	(487.639.840)
Thu nhập khác	16.446.857	311.239.330
	769.628.675	944.938.965

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

6.6 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính	-	1.468.283.069
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ sản xuất kinh doanh	11.114.407.123	13.771.881.644
Chi phí khác	120.501	2.106.751.249
	11.114.527.624	17.346.915.962

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.613.572	28.278.689
Chi phí nhân công	3.577.182.677	5.285.461.323
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.513.654.656	1.648.520.890
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	4.381.000
Chi phí khác	10.287.855.707	6.099.006.709
	15.447.306.612	13.065.648.611

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(16.454.967.460)	(24.657.903.886)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(16.454.967.460)	(24.657.903.886)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	12.679.567	12.679.567
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.298)	(1.945)

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

i **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2025			
Phải trả người bán, phải trả khác	31.039.887.829	-	31.039.887.829
Chi phí phải trả	300.000.000	-	300.000.000
	31.339.887.829	-	31.339.887.829
Tại ngày 01/07/2024			
Phải trả người bán, phải trả khác	31.301.250.339	300.000.000	31.601.250.339
Chi phí phải trả	300.000.000	-	300.000.000
	31.601.250.339	300.000.000	31.901.250.339

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có thế chấp bằng tài sản đảm bảo.

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2025 và 01/07/2024.

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư	202.000.000	202.000.000	202.000.000	202.000.000
Phải thu khách hàng	24.488.903	305.598.017	24.488.903	305.598.017
Phải thu khách hàng là bên liên quan	29.700.000	-	29.700.000	-
Các khoản phải thu khác	5.429.944.143	5.094.343.614	5.429.944.143	5.094.343.614
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.578.890.807	53.738.442.962	38.578.890.807	53.738.442.962
	44.265.023.853	59.340.384.593	44.265.023.853	59.340.384.593
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả các bên liên quan	178.387.800	178.387.800	178.387.800	178.387.800
Phải trả người bán	796.428.368	965.405.306	796.428.368	965.405.306
Phải trả khác	30.065.071.661	30.457.457.233	30.065.071.661	30.457.457.233
Chi phí phải trả	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
	31.339.887.829	31.901.250.339	31.339.887.829	31.901.250.339

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày cuối năm và ngày đầu năm. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp		
Ông Trần Vĩnh Chung	313.740.000	394.624.712
Ông Phạm Quang Vinh	64.985.453	69.659.659
Thù lao		
Ông Trần Ngọc Hiếu	90.000.000	90.000.000
Ông Trần Vĩnh Chung	48.000.000	48.000.000
Ông Phạm Quang Vinh	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Thị Mai Loan	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Trường Chinh	30.000.000	30.000.000
Bà Phạm Thị Hồng Liễu	30.000.000	30.000.000
	672.725.453	758.284.371

Công nợ phải trả với các bên liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Ông Phạm Quang Vinh Phải trả ngắn hạn khác	23.400.000	23.400.000

8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh với các công ty là các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Mía Đường Sóc Trăng		
Bán thành phẩm	27.000.000	-
Cổ tức được chia	1.551.000.000	775.500.000
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Lãi thực hiện hợp đồng	-	152.888.518

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2025

Công nợ phải thu, phải trả với công ty liên doanh, liên kết và các bên liên quan khác như sau:

	30/06/2025 VND	01/07/2024 VND
Công ty Cổ phần Mía đường Sóc Trăng		
Phải thu khách hàng	29.700.000	
Công ty TNHH Kim Hà Việt		
Phải trả người bán	154.987.800	154.987.800

8.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh sản xuất thực phẩm và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng cổ đông Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ (lấy ý kiến bằng văn bản) số 01/2025/CASUCO ngày 01/08/2025, Đại Hội Đồng cổ đông nhất trí thông qua Báo cáo kết quả đầu tư nguyên liệu vụ 2025-2026 & Phương án sản xuất vụ 2025-2026 là Tạm dừng sản xuất nhà máy Phụng Hiệp vụ 2025 - 2026, đồng thời tiến hành bám sát diễn biến thị trường mía để xây dựng kế hoạch cơ cấu, phục hồi vùng nguyên liệu cho các vụ kế tiếp, khi đủ điều kiện sẽ tiến hành đưa nhà máy đường Phụng Hiệp sản xuất trở lại.


NGUYỄN THỊ HỒNG GẤM
Người lập biểu


LÊ THỊ KIM PHĨ
Kế toán trưởng


TRẦN VINH CHUNG
Tổng Giám đốc
TP. Cần Thơ, ngày 10 tháng 10 năm 2025



Ho Chi Minh City Head Office
2/F Indochina Park Tower,
No. 4 Nguyen Dinh Chieu St.,
Dakao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : +84 28 222 00237
Fax : +84 28 222 00265
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Cần Thơ Branch
A1 - 28 Street 6, Cong An Residence,
Thanh Loi Area, Phu Thu Ward,
Cai Rang District,
Can Tho City, Vietnam
Tel : +84 292 3827 888
Fax : +84 292 3823 209
Email: pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn

Northern Branch
Room 707, Sunrise Building,
No. 90 Tran Thai Tong St.,
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 2002 016
Fax : +84 243 7950 832
Email: pkf.afcmb@pkf.afcvietnam.vn

Ha Thanh Branch
No. 44 Nguyen Cong Hoan Street,
Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh District,
Ha Noi City, Vietnam
Tel : +84 243 8373 666
Fax : +84 243 2191 538
Email: pkf.afcht@pkf.afcvietnam.vn

www.pkf.afcvietnam.vn